

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 12/2024/HS-ST

Ngày: 01-03-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hà;
- Bà Phạm Hồng Minh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên Nguyễn Đông H, sinh năm 1990; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Nơi cư trú: số A đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1968; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ Vũ Thùy A, sinh năm 1991 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-01-2024 đến ngày 16-01-2024 chuyển tạm giam; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N “có mặt”.

Người làm chứng: Chị Lại Thị Phương L, sinh năm 1972, “vắng mặt”

Người chứng kiến:

- Anh Đoàn Văn L1, sinh năm 1971; “vắng mặt”
- Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1969; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ, ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại nhà nghỉ Q thuộc địa phận xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, tổ công tác Công an thị trấn N, huyện N phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đông H, sinh năm 1990, trú tại số A đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại sàn nhà nghỉ Q 01 túi nilong màu trắng bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng, cách vị trí của H 3m (H không nhận đó là túi ma túy của mình). Tổ công tác đã mời người làm chứng, người chứng kiến, niêm phong vật chứng là 01 túi nilong H ném xuống sàn nhà (kí hiệu M);

Tiến hành khám xét khẩn chỗ ở của Nguyễn Đông H, ở số nhà A đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không thu giữ gì.

Ngoài ra, còn thu giữ của Nguyễn Đông H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng biển số 18B1-568.22; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng).

Tại bản kết luận giám định số 291/KL-KTHS ngày 12/01/2024 của Phòng K, Công an tỉnh N kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 túi nilong nhỏ màu trắng, được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng mẫu M: 0,301 gam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành trưng cầu giám định dấu vết đường vân của Nguyễn Đông H trên 01 túi nilong màu trắng (ký hiệu A).

Tại bản kết luận giám định số 292/KL-KTHS ngày 18/01/2024 của Phòng K, Công an tỉnh N kết luận: Trên mẫu vật cần giám định ký hiệu A phát hiện 01 dấu vết đường vân không đủ yếu tố giám định.

Quá trình điều tra, đến ngày 15/01/2024 Nguyễn Đông H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 11 giờ ngày 10/01/2024, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 18B1 - 568.22 từ nhà ở đến khu vực chân cầu Đ thuộc phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định gặp và mua của một người đàn ông (H không biết tên tuổi, địa chỉ) 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng, mục đích để sử dụng. Sau đó H cầm túi ma túy trên tay trái rồi điều khiển xe đến nhà nghỉ Q thuộc địa phận xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định để gặp một người bạn tên là S (H không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của S) với mục đích nhờ S xin việc làm đi xuất khẩu lao động. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ Q và dựng xe ở sảnh nhà nghỉ, đến quầy lễ tân gặp bà Lại Thị Phương L, sinh năm 1972, là quản lý nhà nghỉ nói có hẹn bạn trên tầng 3 rồi đi bộ từ tầng 1 lên tầng 3 của nhà nghỉ. Do không gặp được S nên H đi xuống sảnh nhà nghỉ để lấy xe đi về. Khi đến chỗ để xe, H ngồi lên yên xe chuẩn bị đi về thì bị tổ công tác Công an thị trấn N, huyện N đến kiểm tra, bắt giữ. Do sợ hãi nên H đã ném túi ma túy đang cất giấu trong lòng bàn tay trái xuống sàn nhà

ngiht cách vị trí H đang đứng 3m. Sau đó, tổ công tác Công an thị trấn N, huyện N đưa H đến vị trí túi ma túy mà H vừa ném ra, thu giữ vật chứng, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang như đã nêu trên.

Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 29-01-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố bị cáo Nguyễn Đông H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án nêu trên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đông H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đông H từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10-01-2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 túi niêm phong, mặt trước túi có ghi mã số NS4A 196225 và 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì có ghi số 291/KL-KTHS ngày 12/01/2024 hoàn trả mẫu vật còn lại sau giám định của Phòng K, Công an tỉnh N. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng) nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đông H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo thừa nhận đã phạm tội, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người làm chứng, người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai người làm chứng, người chứng kiến, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh N cùng các tài liệu khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ, ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại nhà nghỉ Q thuộc địa phận xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, Tổ công tác của Công an thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đông H đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,301gam Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 249. Tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”....

[3] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Ma túy đã và đang gây tác hại xấu cho sức khỏe của người sử dụng; làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, làm khánh kiệt về kinh tế và chính ma túy là nguyên nhân làm gia tăng nhiều loại tội phạm. Bản thân bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý tàng trữ để sử dụng. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ

nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Do đó cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định đủ tác dụng răn đe bị cáo và để đảm bảo mục đích của hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo lời khai của bị cáo cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, là người nghiện ma túy. Do đó, không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 túi niêm phong, mặt trước túi có ghi mã số NS4A 196225 và 01 phong bì niêm phong mặt trước phong bì có ghi số 291/KL-KTHS hoàn trả mẫu vật còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo, qua xác minh bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng biển số 18B1-568.22, quá trình điều tra xác minh xác định chủ sở hữu chiếc xe là bà Trần Thị Lệ H1, sinh năm 1969, trú tại B N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Bà H1 cho bị cáo H nhưng không biết H sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H1 là phù hợp.

[8] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Đông H ngày 10/01/2024, do bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đông H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Nguyễn Đông H 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2024.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (đã qua sử dụng) nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Methamphetamine trong phong bì thư niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định số 291/KL-KTHS ngày 12/01/2024 và 01 túi niêm phong, mặt trước túi có ghi mã số NS4A 196225 của Phòng K, Công an tỉnh N.

Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 30-01-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Đông H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện+tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND phường Trần Quang Khải;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga

